

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 04 -2022

V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và Ông Hoàng Văn Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2022/HNGĐ - ST ngày 01 tháng 03 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1988

- Bị đơn: Anh Lê Xuân T, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị H và anh T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, cũng như đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Hà Thị H trình bày giữa chị và anh Lê Xuân T đăng ký kết hôn ngày 22/01/2019 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đoàn tụ hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên nhủ nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng như vậy làm cho chị H cảm thấy mệt mỏi, ảnh hưởng đến sức khỏe và công việc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị H tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về phần con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 03 người con chung, tên các cháu là Lê Xuân M, sinh ngày 29/8/2009; Cháu Lê Trang L, sinh ngày

20/7/2014 và cháu Lê An N, sinh ngày 12/12/2019. Tại bản tự khai chị H có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang L và An N, giao cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt chị lại có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Xuân M và An N, giao cháu T Linh cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và phần nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/3/2022 Lê Xuân T trình bày, vợ chồng anh, chị cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn ngày 22/01/2019 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm thì bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị ly hôn.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng có 03 người con chung, họ tên các cháu là Lê Xuân M, sinh ngày 29/8/2009; Cháu Lê Trang L, sinh ngày 20/7/2014 và cháu Lê An N, sinh ngày 12/12/2019. Ly hôn nguyện vọng của anh T xin được nuôi dưỡng cháu Xuân M và Trang L, cháu An N còn nhỏ nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản và phần nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị H được ly hôn anh T; Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Xuân M và An N, giao cháu Trang L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh, chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến Tòa án để tham gia phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh T không đến Tòa án,

không có lý do. Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Hà Thị H và anh Lê Xuân T đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 73/2009, ngày 22/01/2009. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H và anh T ly hôn.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 03 con chung với nhau. Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 8/3/2022 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị H và anh T. Tại buổi xác minh UBND xã T cho biết nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị H UBND xã không biết, do vợ chồng anh chị không báo cáo và yêu cầu hòa giải tại địa phương. Anh T, chị H có 03 người con, điều kiện kinh tế và sức khỏe của vợ chồng anh chị như nhau. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị H và anh T đều chính đáng, anh, chị đều có mức thu nhập và điều kiện kinh tế như nhau, anh chị có 03 người con, cháu M và cháu L trên 7 tuổi đều có nguyện vọng xin được ở cùng chị H, cháu N còn nhỏ, tuy nhiên nếu giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 cháu thì sẽ không bảo đảm được cuộc sống cho các cháu, nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Xuân M và An N, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Hà Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ

Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H và anh Lê Xuân T được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Xuân M và An N, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, người trực tiếp nuôi con không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu bé, thì người không trực tiếp nuôi con có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Hà Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2021/0006472 ngày 28 tháng 02 năm 2022 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn, chị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho chị H, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã T
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

